

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 17-6-2020.

“V/v: Kiện ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Bà Triệu Thị Danh – Cán bộ hưu trí.

2, Ông Trần Quang Thắng – Phó chủ tịch hội cựu chiến binh huyện Ea H'Leo.

-Thư ký phiên Tòa: Ông Hoàng Công Đức – Thư ký Tòa án ND huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17/6/2020 tại phòng xử án – Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2020, về việc “*Kiện ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2020 và các quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-DS ngày 28/5/2020; số 14/2020/QĐST-DS ngày 11/6/2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ph, sinh năm: 1968. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1960. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ph, ông S là nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Bà Ph, ông S về chung sống với nhau từ tháng 10/1984, cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, về sống chung là hoàn toàn tự nguyện, sau một thời gian sống chung hạnh phúc thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng nhiều quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không còn thương yêu, quý trọng nhau. Hiện

cuộc sống không thể kéo dài được nữa, nên bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn.

Theo yêu cầu ly hôn của bà Ph, ông S vẫn đồng ý, nhưng hiện nay giữa ông S và bà Ph chưa giải quyết được về vấn đề công nợ nên ông S chưa muốn giải quyết ly hôn vào thời điểm này mà để cuối năm ông S mới quyết định.

Về con chung: Bà Ph và ông S có 05 người con chung (con lớn nhất sinh năm 1984 và con nhỏ nhất sinh năm 1996), hiện các con chung của bà Ph, ông S đã trưởng thành đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà Ph, ông S không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Văn S tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1984, không đăng ký kết hôn tại UBND nơi cư trú. Mặc dù vậy, nhưng bà Ph, ông S về sống chung với nhau trước ngày 03/01/1987 (Điều này được chứng minh bằng việc con chung Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984), tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ vợ chồng của bà Ph, ông S được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn, trong trường hợp yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Nguyễn Văn S vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn bà Lê Thị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và điểm a khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Pháp luật về nội dung:

Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập lưu tại hồ sơ vụ án, thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Ph, ông S bất đồng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn chửi bới, đánh đập, xúc phạm lẫn nhau và hiện tại hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà Ph và ông S ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc bà Ph yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà Ph, ông S có 05 người con chung, hiện các con chung đã trưởng thành đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ph, ông S không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đặt ra để xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Ph phải chịu tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.
2. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bà Lê Thị Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HN-GĐST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2019/0001487 ngày 27/02/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND xã Ea Ral;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ